

Signature Not
Verified

Thời gian ký
07/2015 17:57 AM

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 158/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

VP. UBND T. BẮC GIANG về việc ban hành Bộ chỉ tiêu thống kê về thanh niên Việt Nam

ĐẾN Số: 16/Đ
Ngày: 27/1/2016
Chuyên: Bên NC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 26 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Luật Thanh niên ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chỉ tiêu thống kê về thanh niên Việt Nam.

Bộ chỉ tiêu thống kê về thanh niên Việt Nam là công cụ thu thập số liệu thống kê về thanh niên nhằm giám sát và đánh giá tình hình phát triển của thanh niên trên các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê về thanh niên của Chính phủ Việt Nam và các tổ chức, cá nhân khác; làm cơ sở để cơ quan quản lý nhà nước về thanh niên kiểm tra, đánh giá việc thực hiện và hoạch định chính sách đối với thanh niên.

Điều 2. Giao Bộ Nội vụ

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan khai thác, phân tích số liệu về thanh niên để đánh giá việc thực hiện chính sách đối với thanh niên hàng năm và 5 năm; đồng thời làm cơ sở hoạch định chính sách, chiến lược phát triển thanh niên.

2. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư chuẩn hóa về khái niệm, nội dung, phương pháp tính của từng chỉ tiêu trong Bộ chỉ tiêu thống kê về thanh niên Việt Nam.

3. Khai thác, sử dụng có hiệu quả các chỉ tiêu thống kê về thanh niên Việt Nam.

Điều 3. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ và các bộ, cơ quan có liên quan chuẩn hóa về khái niệm, nội dung, phương pháp tính của từng chỉ tiêu trong Bộ chỉ tiêu thống kê về thanh niên Việt Nam và lồng ghép vào hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã để thực hiện thống nhất trong phạm vi cả nước.

2. Giám sát và thẩm định việc lồng ghép các chỉ tiêu thống kê về thanh niên vào hệ thống chỉ tiêu thống kê của các bộ, ngành.

3. Chủ trì hướng dẫn nghiệp vụ tổng hợp, phân tích số liệu, biên soạn và công bố số liệu thống kê về thanh niên Việt Nam.

4. Lồng ghép các chỉ tiêu thống kê về thanh niên vào các hoạt động điều tra, tổng hợp, phân tích số liệu của các ngành, lĩnh vực do Bộ thực hiện để bảo đảm tích hợp được các chỉ tiêu thống kê về thanh niên Việt Nam.

5. Phối hợp với Bộ Tài chính bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện công tác thống kê các chỉ tiêu về thanh niên Việt Nam.

Điều 4. Căn cứ Bộ chỉ tiêu thống kê về thanh niên Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định này, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và các cơ quan có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thu thập, tổng hợp những chỉ tiêu được phân công trong Bộ chỉ tiêu thống kê về thanh niên Việt Nam, cung cấp cho cơ quan Thống kê Trung ương để tổng hợp, biên soạn và công bố.

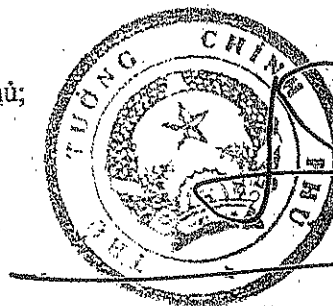
Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban Quốc gia về thanh niên Việt Nam;
- Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) (5b);
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT,
- các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, V. III (3b). 240

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

UBND TỈNH BẮC GIANG
VĂN PHÒNG

Số: 74 /SY

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh;
- TAND tỉnh, VKSND tỉnh, CA tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể nhân dân tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH;
 - + Lưu: VT, NC.

SAO Y BẢN CHÍNH

Bắc Giang, ngày 28 tháng 01 năm 2016

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG



Le Tuấn Phú

UBND HUYỆN TÂN YÊN
VĂN PHÒNG

Số: 40 /SL-VP

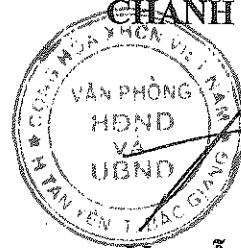
Nơi nhận:

- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- Thường trực Huyện ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể nhân dân huyện;
- TAND huyện, VKSND huyện, Công an huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, các CV.

CHÁNH VĂN PHÒNG

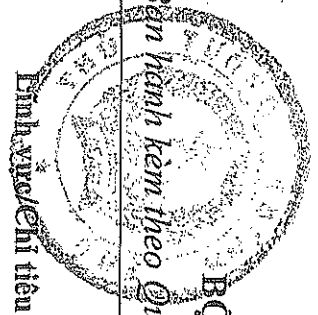


Nguyễn Tiến Thịnh

Tân Yên, ngày 02 tháng 02 năm 2016

BỘ CHỈ TIÊU THÔNG KÊ VỀ THANH NIÊN VIỆT NAM

(Bản hành kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)



Số thứ tự chỉ tiêu	Số thứ tự lĩnh vực	Bình yếu/Chỉ tiêu	Phân tử	Chu kỳ công bố	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp
1	1	Chỉ số tổng hợp		5	
	2	Chỉ số phát triển thanh niên (YD)	Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.	5 năm	Tổng cục Thống kê
	II	Dân số và nhân khẩu học			
			<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm tuổi; - Giới tính; - Dân tộc (Kinh và khác); - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	5 năm	
			<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm tuổi; - Giới tính; - Dân tộc (10 nhóm dân tộc); - Tỉnh trang hôn nhân; - Trình độ học vấn; - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	10 năm	
2	201	Dân số thanh niên			Tổng cục Thống kê

Số thứ tự chỉ tiêu	Số thứ tự lĩnh vực	Lĩnh vực/Chỉ tiêu	Phân tổ	Chu kỳ công bố	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp
1	2	3	4	5	6
3	202	Tỷ số giới tính của thanh niên	- Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.	Năm	- Cơ quan chủ trì: Tổng cục Thống kê - Cơ quan phối hợp: Bộ Y tế
4	203	Tỷ suất thanh niên nhập cư, suất cư, tỷ suất di cư thuần	- Nhóm tuổi; - Giới tính; - Nhóm dân tộc (Kinh và các dân tộc khác); - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.	2 năm	Tổng cục Thống kê
5	204	Số cuộc kết hôn và tuổi kết hôn trung bình lần đầu của thanh niên	- Nhóm tuổi; - Giới tính; - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, vùng.	Năm	- Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp - Cơ quan phối hợp: Tổng cục Thống kê
6	205	Số vụ ly hôn của thanh niên	- Nhóm tuổi; - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, vùng.	Năm	- Cơ quan chủ trì: Tòa án nhân dân tối cao
	III	Lao động - Việc làm			
7	301	Lực lượng lao động là thanh niên	- Nhóm tuổi; - Giới tính; - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Năm	Tổng cục Thống kê
8	302	Số thanh niên đang làm việc trong nền kinh tế	- Nhóm tuổi; - Giới tính; - Ngành kinh tế; - Loại hình kinh tế; - Nghề nghiệp;	Năm	Tổng cục Thống kê

Số thứ tự chỉ tiêu	Số thứ tự lĩnh vực	Lĩnh vực/Chỉ tiêu	Phân tử	Chu kỳ công bố	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp
1	2	3	4	5	6
9	303	Tỷ lệ thanh niên đang làm việc so với tổng số thanh niên	<ul style="list-style-type: none"> - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. - Nhóm tuổi; - Giới tính; - Thành thị/nông thôn; - Ngành kinh tế; - Loại hình kinh tế; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	Năm	Tổng cục Thống kê
10	304	Số thanh niên đang làm việc đã qua đào tạo có bằng/chứng chỉ và tỷ lệ thanh niên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo có bằng/chứng chỉ	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm tuổi; - Giới tính; - Ngành kinh tế; - Loại hình kinh tế; - Bằng/chứng chỉ; - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	Năm	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan chủ trì: Tổng cục Thống kê - Cơ quan phối hợp: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Giáo dục và Đào tạo
11	305	Số thanh niên thất nghiệp và tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm tuổi; - Giới tính; - Trình độ chuyên môn, kỹ thuật; - Thời gian thất nghiệp; - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	Năm	Tổng cục Thống kê
12	306	Số thanh niên thiếu việc làm và tỷ lệ thiếu việc làm của thanh niên	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm tuổi; - Giới tính; - Trình độ chuyên môn, kỹ thuật; - Thời gian thiếu việc làm; - Ngành kinh tế; - Loại hình kinh tế; 	Năm	Tổng cục Thống kê

Số thứ tự chỉ tiêu	Số thứ tự lĩnh vực	Lĩnh vực/Chỉ tiêu	Phân tổ	Chu kỳ công bố	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp
1	2	3	4	5	6
13	307	Số thanh niên được tư vấn, giới thiệu việc làm qua hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm	<ul style="list-style-type: none"> - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. - Nhóm tuổi; - Giới tính; - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	Năm	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan chủ trì: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Cơ quan phối hợp: Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
14	308	Số thanh niên đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm tuổi; - Giới tính; - Trình độ chuyên môn kỹ thuật; - Khu vực thị trường; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	Năm	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
15	309	Số thanh niên công nhân tham gia ký Hợp đồng lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính; - Lao động nhập cư/địa phương; - Loại hình doanh nghiệp; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	Năm	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
16	310	Số thanh niên là giám đốc/chủ doanh nghiệp/chủ trang trại	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm tuổi; - Giới tính; - Dân tộc; - Trình độ học vấn; - Loại hình kinh tế; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	Năm	Tổng cục Thống kê
17	311	Thu nhập bình quân 1 thanh niên đang làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm tuổi; - Giới tính; - Ngành kinh tế; - Loại hình kinh tế; - Thành thị/nông thôn; 	Năm	Tổng cục Thống kê

Số thứ tự chi tiêu	Số thứ tự lĩnh vực	Lĩnh vực/Chi tiêu	Phân tổ	Chu kỳ công bố	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp
1	2	3	4	5	6
18	312	Tiền lương và thu nhập của thành niên công nhân	- Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. - Giới tính; - Lao động nhập cư/địa phương; - Loại hình doanh nghiệp.	Năm	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
	IV	Tham gia tổ chức chính trị xã hội, hoạt động xã hội - tình nguyện			
19	401	Số thành niên là đảng viên	- Giới tính; - Dân tộc; - Trình độ học vấn; - Trình độ chuyên môn; - Nghề nghiệp; - Tỉnh ủy, Thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Trung ương.	Năm	Ban Tổ chức Trung ương Đảng
20	402	Số thành niên là đoàn viên TNCS Hồ Chí Minh	- Nhóm tuổi; - Giới tính; - Dân tộc; - Trình độ học vấn; - Trình độ chuyên môn; - Nghề nghiệp; - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.	Năm	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Hồ Chí Minh
21	403	Số thành niên công nhân đang làm việc trong doanh nghiệp là đoàn viên công đoàn	- Nhóm tuổi; - Giới tính; - Trình độ học vấn; - Loại hình doanh nghiệp.	Năm	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
22	404	Số thành niên tham gia hoạt động tình nguyện trong tổ chức tình nguyện đã được cấp có thẩm quyền cấp phép	- Nhóm tuổi; - Giới tính; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.	Năm	- Cơ quan chủ trì: Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh - Cơ quan phối hợp: Bộ Nội vụ

Số thứ tự chỉ tiêu	Số thứ tự lĩnh vực	Lĩnh vực/Chỉ tiêu	Phân tổ	Chu kỳ công bố	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp
1	2	3	4	5	6
23	405	Số tổ chức tình nguyện của thanh niên đã được cấp có thẩm quyền cấp phép	- Nhóm tuổi; - Giới tính; - Loại hình tình nguyện; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.	Năm	- Cơ quan chủ trì: Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh - Cơ quan phối hợp: Bộ Nội vụ
24	406	Tỷ lệ thanh niên tham gia các cấp ủy Đảng	- Nhóm tuổi; - Giới tính; - Dân tộc; - Cấp ủy; - Trình độ học vấn; - Tỉnh ủy, Thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Trung ương.	Đầu nhiệm kỳ	Ban Tổ chức Trung ương Đảng
25	407	Tỷ lệ đại biểu Quốc hội là thanh niên	- Nhóm tuổi; - Giới tính; - Dân tộc; - Trình độ học vấn.	Đầu nhiệm kỳ	Văn phòng Quốc hội
26	408	Tỷ lệ đại biểu Hội đồng nhân dân là thanh niên	- Nhóm tuổi; - Giới tính; - Dân tộc; - Cấp hành chính; - Trình độ học vấn.	Đầu nhiệm kỳ	Bộ Nội vụ
27	409	Tỷ lệ thanh niên đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo chính quyền	- Nhóm tuổi; - Giới tính; - Dân tộc; - Cấp hành chính; - Trình độ học vấn.	Năm	Bộ Nội vụ
28	410	Tỷ lệ thanh niên đảm nhiệm các chức vụ chủ chốt trong tổ chức chính trị, chính trị - xã hội	- Nhóm tuổi; - Giới tính; - Dân tộc; - Trình độ học vấn.	Năm	Ban Tổ chức Trung ương Đảng; Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội

Số thứ tự chỉ tiêu	Số thứ tự lĩnh vực	Lĩnh vực/Chỉ tiêu	Phân tổ	Chu kỳ công bố	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp
1	2	3	4	5	6
	V	Khoa học và Công nghệ			
29	501	Số thanh niên làm việc trong các tổ chức khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm tuổi; - Giới tính; - Dân tộc; - Loại hình tổ chức; - Lĩnh vực khoa học; - Loại hình kinh tế; - Lĩnh vực hoạt động; - Lĩnh vực đào tạo; - Trình độ chuyên môn, chức danh; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	2 Năm	Bộ Khoa học và Công nghệ
30	502	Số sáng chế, giải pháp hữu ích, giải pháp kỹ thuật, kiến thức công nghệ, nhãn hiệu của thanh niên được cấp văn bằng bảo hộ	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm tuổi của chủ sáng chế, giải pháp; - Lĩnh vực; - Giới tính của chủ sáng chế, giải pháp. 	Năm	Bộ Khoa học và Công nghệ
31	503	Số giải thưởng khoa học và công nghệ được trao tặng cho thanh niên/tổ chức thanh niên	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm tuổi của chủ giải thưởng; - Loại giải thưởng; - Lĩnh vực khoa học, công nghệ; - Cá nhân (giới tính)/tập thể. 	Năm	Bộ Khoa học và Công nghệ
32	504	Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong nước và nước ngoài thanh niên được giao chủ trì	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm tuổi của chủ nhiệm vụ; - Giới tính của chủ nhiệm vụ; - Trình độ học vấn; - Trình độ chuyên môn; - Lĩnh vực nhiệm vụ nghiên cứu; - Thành thị/hồng thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	Năm	Bộ Khoa học và Công nghệ

Số thứ tự chỉ tiêu	Số thứ tự lĩnh vực	Lĩnh vực/Chỉ tiêu	Phân tổ	Chu kỳ công bố	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp
1	2	3	4	5	6
33	505	Số bài báo của thanh niên được đăng trên các báo, tạp chí khoa học có uy tín trong nước và nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm tuổi của chủ bài báo; - Giới tính của chủ bài báo; - Trình độ học vấn; - Trình độ chuyên môn; - Lĩnh vực khoa học được đăng; - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	Năm	Bộ Khoa học và Công nghệ
34	506	Số sách chuyên khảo của thanh niên được xuất bản	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm tuổi của chủ sách chuyên khảo; - Giới tính của chủ sách chuyên khảo; - Trình độ học vấn; - Trình độ chuyên môn; - Lĩnh vực xuất bản; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	Năm	Bộ Khoa học và Công nghệ
	VI	Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề			
35	601	Tỷ lệ thanh niên đi học Trung học cơ sở; Trung học phổ thông	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính; - Dân tộc; - Loại hình (công lập, ngoài công lập); - Thành thị/hồng thôn; - Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. 	Năm	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan chủ trì: Bộ Giáo dục và Đào tạo - Cơ quan phối hợp: Tổng cục thống kê
36	602	Tỷ lệ thanh niên tốt nghiệp Trung học phổ thông	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính; - Dân tộc; - Loại hình (công lập, ngoài công lập); - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. 	Năm	Bộ Giáo dục và Đào tạo
37	603	Tỷ lệ thanh niên lưu ban, bỏ học ở cấp Trung học phổ thông	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính; - Dân tộc; 	Năm	Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số thứ tự chỉ tiêu	Số thứ tự lĩnh vực	Lĩnh vực/Chỉ tiêu	Phân tổ	Chu kỳ công bố	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp
1	2	3	4	5	6
			<ul style="list-style-type: none"> - Loại hình (công lập, ngoài công lập); - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 		
38	604	Số thanh niên được xóa mù chữ	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm tuổi; - Giới tính; - Dân tộc; - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	Năm	Bộ Giáo dục và Đào tạo
39	605	Số thanh niên hoàn thành chương trình giáo dục từ xa cấp Trung học cơ sở và cấp Trung học phổ thông	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm tuổi; - Giới tính; - Dân tộc; - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	Năm	Bộ Giáo dục và Đào tạo
40	606	Số thanh niên được đào tạo nghề	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm tuổi; - Giới tính; - Dân tộc; - Trình độ học vấn; - Các cấp trình độ đào tạo nghề; - Loại hình cơ sở; - Cấp quản lý; - Nhóm ngành, nghề đào tạo; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	Năm	Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở Trung ương
41	607	Số thanh niên là sinh viên đại học	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính; - Dân tộc; - Loại trường; - Cấp quản lý; - Nhóm ngành, nghề đào tạo; 	Năm	Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số thứ tự chỉ tiêu	Số thứ tự lĩnh vực	Lĩnh vực/Chỉ tiêu	Phân tổ	Chu kỳ công bố	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp
1	2	3	4	5	6
42	608	Số thanh niên được đào tạo sau đại học	<ul style="list-style-type: none"> - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. - Giới tính; - Dân tộc; - Trình độ; - Loại trường; - Cấp quản lý; - Ngành đào tạo; - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	Năm	Bộ Giáo dục và Đào tạo
43	VII 701	Y tế - Sức khỏe - Các vấn đề xã hội Chiều cao trung bình của thanh niên	<ul style="list-style-type: none"> - 18 tuổi; - Giới tính; - Dân tộc; - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	5 năm	Bộ Y tế
44	702	Cân nặng trung bình của thanh niên	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm tuổi; - Giới tính; - Dân tộc; - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	5 năm	Bộ Y tế
45	703	Tỷ lệ thanh niên được cung cấp thông tin và dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm tuổi; - Giới tính; - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	Năm	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan chủ trì: Bộ Y tế - Cơ quan phối hợp: Bộ Giáo dục và Đào tạo
46	704	Tỷ suất sinh con vị thành niên/thanh niên	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm Tuổi; - Nghề nghiệp; - Thành thị/nông thôn. 	Năm	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan chủ trì: Tổng cục Thống kê - Cơ quan phối hợp: Bộ Y tế

Số thứ tự chỉ tiêu	Số thứ tự lĩnh vực	Lĩnh vực/Chỉ tiêu	Phân tổ	Chu kỳ công bố	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp
1	2	3	4	5	6
47	705	Số thanh niên khuyết tật	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính; - Dân tộc; - Loại tật; - Mức độ; - Nguyên nhân; - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	Năm	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan chủ trì: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Cơ quan phối hợp: Tổng cục Thống kê
48	706	Số thanh niên khuyết tật được trợ cấp xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính; - Dân tộc; - Mức độ; - Loại hình trợ cấp; - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	Năm	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan chủ trì: Tổng cục Thống kê
49	707	Tỷ lệ thanh niên hút thuốc lá	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm tuổi; - Giới tính; - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	4 năm	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan chủ trì: Bộ Y tế - Cơ quan phối hợp: Tổng cục Thống kê
50	708	Số thanh niên nghiện ma túy có hồ sơ quản lý	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm tuổi; - Giới tính; - Nghề nghiệp; - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	Năm	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan chủ trì: Bộ Công an - Cơ quan phối hợp: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
51	709	Số thanh niên hiện nhiễm HIV, số thanh niên chết do AIDS	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm tuổi; - Giới tính; - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	Năm	Bộ Y tế

Số thứ tự chỉ tiêu	Số thứ tự lĩnh vực	Lĩnh vực/Chỉ tiêu	Phân tổ	Chu kỳ công bố	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp
1	2	3	4	5	6
52	710	Tỷ lệ thanh niên nhiễm HIV được điều trị bằng thuốc kháng Vi-rút HIV	- Nhóm tuổi; - Giới tính; - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.	Năm	Bộ Y tế
53	711	Số thanh niên chết, bị thương do tai nạn giao thông	- Nhóm tuổi; - Loại tai nạn (đường bộ/đường sắt/đường thủy); - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.	Năm	- Cơ quan chủ trì: Ủy ban An toàn giao thông quốc gia - Cơ quan phối hợp: Bộ Công an, Bộ Y tế
54	712	Số thanh niên chết do tai nạn lao động	- Nhóm tuổi; - Nghề nghiệp; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.	Năm	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
	VIII	Văn hóa - Thể dục thể thao			
55	801	Thời gian sử dụng internet cho học tập bình quân 1 ngày của 1 thanh niên	- Nhóm tuổi; - Giới tính; - Dân tộc; - Trình độ học vấn; - Nghề nghiệp; - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.	Năm	Cơ quan chủ trì: Bộ Thông tin - Truyền thông - Cơ quan phối hợp: Bộ Giáo dục và Đào tạo
56	802	Thời gian dành cho hoạt động thể dục thể thao, vui chơi, giải trí bình quân 1 ngày của 1 thanh niên	- Nhóm tuổi; - Giới tính; - Dân tộc; - Trình độ học vấn; - Nghề nghiệp; - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.	Năm	- Cơ quan chủ trì: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Cơ quan phối hợp: Bộ Thông tin - Truyền thông

Số thứ tự chi tiêu	Số thứ tự lĩnh vực	Lĩnh vực/Chi tiêu	Phân tử	Chu kỳ công bố	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp
1	2	3	4	5	6
57	803	Số huy chương thể thao của thanh niên trong các kỳ thi đấu trong nước và quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Loại huy chương; - Huy chương trong nước/Huy chương quốc tế; - Môn thể thao; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	Năm	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	IX	Pháp luật			
58	901	Số văn bản quy phạm pháp luật có lồng ghép cơ chế, chính sách về thanh niên đã được ban hành	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp ban hành văn bản; - Loại văn bản quy phạm pháp luật. 	Năm	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp - Cơ quan phối hợp: Bộ Nội vụ
59	902	Tỷ lệ thanh niên được tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính; - Dân tộc; - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	2 Năm	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp - Cơ quan phối hợp: Bộ Nội vụ, Tổng cục Thống kê
60	903	Số thanh niên vi phạm pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm tuổi; - Giới tính; - Lĩnh vực vi phạm; - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	Năm	Bộ Công an
61	904	Số thanh niên là nạn nhân trong các vụ án đã khởi tố	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm tuổi; - Giới tính; - Tội danh; - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	Năm	Bộ Công an
62	905	Số bị can là thanh niên đã khởi tố	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm tuổi; - Giới tính; - Tội danh; - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. 	Năm	Bộ Công an

Số thứ tự chỉ tiêu	Số thứ tự lĩnh vực	Lĩnh vực/Chỉ tiêu	Phân tổ	Chu kỳ công bố	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp
1	2	3	4	5	6
63	906	Số bị can là thanh niên đã bị truy tố	- Nhóm tuổi; - Giới tính; - Tội danh; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.	Năm	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao
64	907	Số thanh niên là nạn nhân trong các vụ án đã truy tố	- Nhóm tuổi; - Giới tính; - Tội danh; - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.	Năm	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao
65	908	Số thanh niên là nạn nhân trong các vụ án đã kết án đã có hiệu lực pháp luật	- Nhóm tuổi; - Giới tính; - Tội danh; - Thành thị/nông thôn; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.	Năm	Tòa án nhân dân tối cao
66	909	Số thanh niên phạm tội bị kết án đã có hiệu lực pháp luật	- Nhóm tuổi; - Giới tính; - Tội danh; - Loại hình phạt; - Nghề nghiệp; - Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.	Năm	Tòa án nhân dân tối cao